

thuật chăm sóc khác) nhằm hoàn thiện quy trình sản xuất các giống hoa đào ĐBi1,ĐP1, ĐBa1 phục vụ sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Đông, Nguyễn Thị Thu Hằng (2010), “*Cây Hoa đào và Kỹ thuật Trồng*”, NXB. Hà Nội.
2. Viện Nghiên cứu Rau quả (2011), “*Phiếu mô tả nguồn gen Hoa đào*”
3. Viện Bảo vệ Thực vật (2005), “*Tài liệu tập huấn nông dân Kỹ thuật trồng và chăm sóc mận, hồng, đào*”, NXB. Nông nghiệp.

4. Desmond R.layne and daniele Bassi (2008), “*The peach botany*”, production and uses CAB international.
5. Dongyan Hu, Ph.D, Junqiu Fu and Zoushuang Zhang, Donglin Zhang, Qixiang Zhang (2005), “*Guidelines for describing ornamental peach*”.
6. UPOV, 2010-03-24, *Peach*, Tr12,13.

Ngày nhận bài: 3/6/2013

Người phản biện: GS. TSKH. Trần Duy Quý,
ngày 10/6/2013

Ngày duyệt đăng: 5/7/2013

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ GIỐNG HOA LAN ĐAI CHÂU *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl TẠI GIA LÂM HÀ NỘI

Đinh Thị Dinh, Đặng Văn Đông,
Chu Thị Ngọc Mỹ

SUMMARY

Results of evaluating growth and development of some *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl varieties in Gia Lam, Hanoi

Rhynchostylis gigantea belongs to *Rhynchostylis* genus is a beautiful orchid flower with honey smell and high economic efficiency. However, this species has not been developed in Vietnam. From 2010 to 2012, researchers in Fruit and Vegetable Research Institute (FAVRI) collected, introduced and evaluated growth, development ability of some *Rhynchostylis gigantea* varieties. The results have shown that native orchid varieties grew and developed better than introduced ones when they were planted in Vietnam condition. After three years after plantation, two native varieties as 'ĐC đốm tím 1' and 'ĐC đốm tím 2' had six leaves with the leaf length was 24.5cm and 27.5cm, respectively. The number of flowers reached 26.3 and 25.2 buds per stem with flower stems length were 16.8cm and 16.5cm. Two varieties have a natural flowering time were 24 days and 23 days, unsensitive with dangerous diseases and pests. Both varieties possessed white color with purple spot, sweet fragrance and attractive flowers for customers. Three introduced varieties as 'ĐC đỏ', 'ĐC trắng' and 'ĐC đốm đỏ' grew slowly. After three years, the average of leaf number were from 5.1 leaves to 5.3 leaves per stem with the leaf length was 20.3cm to 21.6cm. The number of flowers reached 21.5-24.3 buds per stem with flower stems length were 12.6cm-14.2cm. Three varieties have a natural flowering time were 19-22 days, sensitive with dangerous diseases and pests

Keywords: Evaluate, development, grow, *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl selected variety, variety.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa lan Đai châu *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl thuộc chi Ngọc điểm

(*Rhynchostylis*) là loài phong lan có màu sắc đẹp, hương thơm ngọt ngào, dáng hoa chùm, rủ, cây hoa có một vẻ đẹp rất tự nhiên, quyến rũ và thanh cao. Hoa lan Đai

châu đẹp và hấp dẫn như vậy nhưng loài hoa lan quý này vẫn chưa thực sự phát triển ở Việt Nam. Nguyên nhân một phần là do lan Đại châu khó chăm sóc và sinh trưởng, phát triển rất chậm, nguyên nhân chính là do chưa được các nhà khoa học trong nước quan tâm nghiên cứu chuyên sâu về loài lan này, cả về giống và kỹ thuật chăm sóc. Trước hết là công tác chọn, tạo giống. So với các loài lan khác như Hồ điệp, Hoàng thảo, Địa lan thì bộ giống hoa lan Đại châu hiện nay còn khá nghèo nàn. Do vậy, việc thu thập, nhập nội đánh giá tuyển chọn giống có khả năng sinh trưởng, phát triển khỏe, chất lượng hoa cao phục vụ sản xuất là rất cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

- Gồm 5 giống lan Đại châu *Rhynchostylis gigantea* (Lindne) Ridl bản địa và nhập nội, thuộc chi Ngọc Điểm (*Rhynchostylis*).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Đặc điểm hình thái của một số giống hoa lan Đại châu

Bảng 1. Đặc điểm hình thái các giống lan Đại châu khảo nghiệm

Ký hiệu giống	Màu sắc đầu rễ	Hình dạng lá	Màu sắc lá	Thế lá (lá)	Sự phân thủy của đầu lá	Màu sắc cánh hoa	Màu sắc cánh môi	Mùi thơm
ĐC đỏ	Đỏ tía	Lông máng	Xanh đậm tía đỏ	Đứng	Lệch, gai nhọn	Đỏ đậm	Tím đậm, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC đốm đỏ	Đỏ tía	Lông máng	Xanh đậm chấm đỏ ở cuống	Đứng	Lệch, có gai	Trắng chấm đỏ	Đỏ, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC trắng	Xanh vàng	Lông máng	Xanh nhạt	Đứng	Lệch, có gai	Trắng	Trắng, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC đốm tím 1	Xanh	Lông máng	Xanh	Đứng	Lệch, có gai	Trắng đốm tím	Màu trắng, đầu cánh tím, chia 3 thùy	Thơm
ĐC đốm tím 2	Xanh	Lông máng	Xanh	Ngang	Lệch, có gai	Trắng đốm tím nhạt	Màu trắng, đầu cánh tím, chia 3 thùy	Thơm

2. Phương pháp nghiên cứu

Mô tả đặc điểm thực vật học của các giống theo bảng mô tả của Trung tâm Tài nguyên Di truyền thực vật.

Các thí nghiệm đánh giá giống được bố trí theo khối ngẫu nhiên với 3 lần nhắc lại, mỗi lần nhắc lại theo dõi 30 chậu, mỗi chậu 1 cây. Cây giống thí nghiệm: Là cây *invitro*, cây giống đủ tiêu chuẩn ra ngôi. Thời gian thực hiện 2010-2012.

Phương pháp điều tra sâu bệnh hại theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38: 2010/ BNNPTNT).

Địa điểm nghiên cứu: Tại Viện Nghiên cứu Rau quả

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1/2010 đến tháng 12/2012.

Số liệu được xử lý theo chương trình Excel và IRRISTAT 4.0.

Nhìn chung các giống lan Đại châu có sự khác biệt về hình thái. Màu sắc thân, rễ, lá theo xu hướng màu sắc của hoa: Đại châu hoa đỏ thì lá, thân, đầu rễ có màu đỏ tía, Đại châu hoa màu trắng đốm đỏ thì lá có chàm đỏ ở cuống lá và đầu rễ có màu đỏ tía, Đại châu hoa có màu trắng thì thân, lá, đầu rễ đều có màu xanh. Hình dạng lá ở các giống đều là hình lòng máng, màu sắc lá từ xanh nhạt đến xanh đậm. Đầu lá thường phân thùy lệch có gai hoặc tròn. Hướng lá của giống Đại châu đốm tím 2 có lá nằm ngang, các giống còn lại đều có hướng thẳng đứng.

Các giống nhập nội có màu sắc hoa rất đa dạng như tím đậm, đốm đỏ, trắng, cam. Các

giống bản địa chỉ có màu trắng đốm tím. Mùi thơm của các giống bản địa Đại châu đốm tím 1, Đốm tím 2 có mùi thơm ngọt ngào còn các giống nhập nội có mùi thơm nhẹ.

2. Đánh giá khả năng sinh trưởng của các giống

2.1. Tỷ lệ cây sống và thời gian hồi xanh sau ra ngôi

Tỷ lệ cây sống và thời gian hồi xanh sau trồng là một trong những yếu tố quan trọng đối với cây hoa Đại châu, thể hiện khả năng thích ứng của các giống với điều kiện ngoại cảnh của vùng (bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ sống và thời gian hồi xanh của các giống

STT	Tên giống	Ngày hồi xanh (ngày)	Tỷ lệ sống sau ra ngôi 1 tháng (%)
1	Đại châu đỏ	15	90
2	Đại châu trắng	14	92
3	Đại châu đốm đỏ	14	90
4	Đại châu đốm tím 1	12	95
5	Đại châu đốm tím 2	13	95

Thời gian hồi xanh của các giống từ 12 - 15 ngày. Trong đó giống Đại châu đốm tím 1, có thời gian hồi xanh nhanh nhất và giống Đại châu đỏ có thời gian hồi xanh

dài nhất. Tỷ lệ cây sống sau trồng ở các giống tương đối cao (90 - 95%) trong đó hai giống bản địa có tỷ lệ sống cao hơn cả đạt 95%.

2.2. Tốc độ sinh trưởng lá của các giống lan Đại châu

Bảng 3. Động thái tăng trưởng số lá, chiều dài lá, chiều rộng lá của các giống lan Đại châu

Chi tiêu Giống	Tuổi cây								
	1 năm tuổi			2 năm tuổi			3 năm tuổi		
	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)
ĐC đỏ	2,8	8,8	1,5	4,1	15,8	2,8	5,3	21,0	4,2
ĐC trắng	2,6	8,1	1,6	3,9	15,0	2,9	5,2	20,3	4,4
ĐC đốm đỏ	3,0	8,5	1,5	4,0	15,3	2,7	5,1	21,6	4,0
ĐC đốm tím 1	3,9	10,5	1,7	4,9	18,3	3,0	6,0	24,5	4,5
ĐC đốm tím 2	3,8	11,2	1,4	4,9	20,2	2,8	6,1	27,5	4,0
CV(%)							4,3	6,1	5,2
LSD _{.05}							0,6	2,4	0,23

Khả năng sinh trưởng biểu hiện bằng động thái ra lá và kích thước lá. Số lá trên cây ở các giống biến động qua các năm như sau: Sau 1 năm số lá đạt từ 2 đến 4 lá, sau 2 năm đạt từ 4-5 lá, sau 3 năm đạt từ 5 - 6 lá.

Tốc độ tăng trưởng số lá nhanh ở hai giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2, sau 3 năm số lá cao nhất là giống Đại châu đốm tím 2 đạt 6,1 lá, thấp nhất là Đại châu đốm đỏ đạt 5,1 lá.

Kích thước lá ở các giống cũng có sự khác biệt. Chiều dài lá ở các giống Đại châu bản địa dài hơn các giống Đại châu công nghiệp. Giống Đại châu đốm tím 2 có chiều dài lá dài nhất đạt 27,5cm sau trồng 3 năm, nhưng chiều rộng lá lại nhỏ nhất (4cm), lá có hình dạng thuôn dài. Ngược lại, giống Đại châu trắng lại có chiều dài lá ngắn nhất đạt

20,3cm nhưng chiều rộng lá lại có kích thước khá lớn đạt 4,4cm. Giống Đại châu đốm tím 1 có kích thước lá lớn nhất, chiều rộng lá đạt giá trị lớn nhất (4,5cm), dài lá đạt giá trị lớn thứ 2 (24,5cm) sau giống Đại châu đốm tím 2.

Nhìn chung, tốc độ sinh trưởng, số lá và kích thước lá ở 2 giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 nhanh hơn các giống Đại châu công nghiệp.

2.3. Tốc độ sinh trưởng thân cây của các giống lan Đại châu

Chiều cao thân, đường kính thân ở các giống sau trồng một năm ít có sự khác biệt, chiều cao thân đạt từ 2 - 2,5cm, đường kính thân đạt từ 0,54 - 0,78cm.

Tuy nhiên các chỉ tiêu này có sự khác biệt giữa các giống sau trồng 2 năm, 3 năm.

Bảng 4. Động thái tăng trưởng chiều cao và đường kính thân cây

Giống \ Chỉ tiêu	1 năm tuổi		2 năm tuổi		3 năm tuổi	
	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)
Đại châu đỏ	2,1	0,54	3,8	0,65	6,2	0,74
Đại châu trắng	2,0	0,61	3,9	0,73	6,0	0,85
Đại châu đốm đỏ	2,1	0,60	3,7	0,72	6,3	0,83
Đại châu đốm tím 1	2,5	0,78	5,1	0,89	8,8	1,32
Đại châu đốm tím 2	2,5	0,72	5,0	0,87	8,7	1,19
CV(%)					7,3	4,5
LSD _{.05}					1,24	0,22

Sau trồng 3 năm, chiều cao thân cây của các giống đạt từ 6,2 - 8,8cm, Hai giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 đạt 8,7 - 8,8cm trong khi các giống Đại châu công nghiệp chỉ đạt

6,0 - 6,3cm. Đường kính thân của hai giống Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2 cũng đạt giá trị cao 1,19 - 1,32cm, trong khi các giống Đại châu công nghiệp chỉ đạt 0,74 - 0,85cm.

2.4. Tốc độ tăng trưởng rễ của các giống lan Đại châu

Bảng 5. Động thái tăng trưởng số rễ, kích thước rễ của các giống

Giống	Tuổi cây								
	1 năm tuổi			2 năm tuổi			3 năm tuổi		
	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)
Đại châu đỏ	3,2	0,25	15,23	4,6	0,56	23,2	5,0	0,77	36,6
Đại châu trắng	3,1	0,24	16,02	4,1	0,67	24,1	5,1	0,86	35,2
Đại châu đốm đỏ	3,0	0,24	14,56	4,1	0,55	25,2	4,8	0,76	37,1
Đại châu đốm tím 1	3,2	0,32	18,78	4,3	0,62	27,3	5,1	0,87	40,8
Đại châu đốm tím 2	3,1	0,30	19,21	4,2	0,65	28,0	5,0	0,88	41,2
CV(%)							4,5	4,7	7,3
LSD _{.05}							0,31	0,11	2,8

Tốc độ tăng trưởng rễ của các giống được thể hiện ở số rễ, chiều dài rễ, đường kính rễ biến động qua các năm. Số rễ của các giống sau trồng 1 năm đạt 3 - 3,2 rễ, sau trồng 2 năm đạt 4,1 - 4,6 rễ, sau trồng 3 năm đạt 4,8 - 5,1 rễ. Số rễ giữa các giống trong cùng một năm không có sự khác biệt lớn.

Đường kính rễ giữa các giống trong cùng một năm cũng không có sự khác biệt. Đường kính rễ sau trồng một năm đạt từ 0,24 - 0,32cm, sau trồng 2 năm đạt từ 0,55 - 0,67cm, sau trồng 3 năm đạt từ 0,76 - 0,88cm.

Chiều dài rễ của các giống có sự khác biệt qua các năm. Sau trồng một năm chiều dài rễ của các giống đạt từ 14,56 - 19,21cm, chiều dài rễ đạt giá trị lớn ở giống Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2, đạt 18,78-19,21cm trong khi các giống Đại châu công

nh nghiệp chỉ đạt 14,5 - 16,0cm. Sau 2 năm trồng chiều dài rễ của các giống đạt từ 23,2 - 28,0cm. Sau 3 năm trồng, chiều dài rễ của các giống đạt từ 35,2 - 41,2cm, chiều dài rễ đạt giá trị lớn trên 2 giống Đại châu đốm tím 1, đốm tím 2 đạt 40,8 - 41,2cm, các giống còn lại đạt giá trị 35,2 - 37,1cm.

3. Mức độ gây hại của sâu, bệnh chính trên các giống

Mức độ gây hại của một số sâu, bệnh hại chính cũng là một chỉ tiêu rất quan trọng để đánh giá giống. Giống có khả năng chống chịu sâu, bệnh tốt thì sẽ tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi, năng suất cao, chất lượng tốt. Theo dõi một số loại sâu, bệnh chính có tính chất nguy hiểm đối với hoa lan Đại châu, kết quả được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6. Mức độ gây hại của sâu, bệnh hại chính trên các giống hoa lan Đại châu

Chi tiêu Giống	Nhện đỏ (<i>Tetranychus</i> <i>sp</i>)	Rệp sáp (<i>Chrysomphalus</i> <i>ficus</i>)	Thán thư (<i>Colletotrichum</i> <i>gloesporiodes</i>)	Bệnh đốm lá (<i>Phytophthora</i> <i>palmivora</i>)	Thối nhũn (<i>Erwinia</i> <i>carotovora</i>)
Đại châu đỏ	+	+	Cấp 3	Cấp 1	Cấp 3
Đại châu trắng	++	++	Cấp 3	Cấp 3	Cấp 5
Đại châu đốm đỏ	++	+	Cấp 3	Cấp 3	Cấp 3
Đại châu đốm tím 1	+	+	Cấp 1	Cấp 1	Cấp 1
Đại châu đốm tím 2	+	+	Cấp 3	Cấp 1	Cấp 3

Ghi chú:

Đối với sâu hại: Cấp (1-3)

Cấp 1 (+): Nhẹ (xuất hiện rải rác)

Cấp 2 (++): Trung bình (phân bố <1/3 cây)

Cấp 3 (+++): Nặng (phân bố >1/3 cây)

Đối với bệnh hại: Cấp (1-9)

Cấp 1: < 1% diện tích lá bị hại

Cấp 3: 1 đến 5% diện tích lá bị hại

Cấp 5: >5 đến 25% diện tích lá bị hại

Nhìn chung mức độ gây hại của một số loại sâu, bệnh chính trên các giống từ mức nhẹ đến trung bình. Riêng giống Đại châu trắng bị bệnh thối nhũn gây hại nặng hơn các giống khác, diện tích lá bị hại đạt từ 5-25% (Cấp 5) vào mùa Xuân Hè. Trong các giống lan Đại châu theo dõi thì giống Đại châu đốm tím 1 có mức độ gây hại của một số sâu, bệnh hại chính ở mức nhẹ, sâu xuất

hiện rất rải rác và tỷ lệ diện tích lá bị bệnh thấp dưới 5% (Cấp 3).

4. Năng suất, chất lượng hoa của các giống

Năng suất và chất lượng hoa là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả sản xuất của từng giống.

Bảng 7. Năng suất, chất lượng hoa lan Đại châu (cây 3 năm tuổi)

Chi tiêu Giống	Số chùm hoa/cây	Số hoa/ cành	Dài cành (cm)	Đường kính cành (cm)	Đường kính hoa (cm)	Màu sắc hoa	Hương thơm	Độ bền hoa (ngày)
ĐC đỏ	1	21,5	14,2	0,45	2,37	Đỏ đậm	Thơm nhẹ	21
ĐC trắng	1	24,3	12,6	0,52	2,30	Trắng xanh	Thơm nhẹ	19
ĐC đốm đỏ	1	23,4	13,7	0,47	2,33	Trắng đốm đỏ	Thơm nhẹ	22
ĐC đốm tím 1	1	26,3	16,8	0,59	2,33	Trắng đốm tím	Thơm	24
ĐC đốm tím 2	1	25,2	16,5	0,52	2,32	Trắng đốm tím nhạt	Thơm	23
CV(%)		6,5	6,7	4,3	5,4			
LSD _{.05}		1,8	2,1	0,06	0,07			

Cây lan Đại châu sau trồng 3 năm bắt đầu cho hoa, số chùm hoa đều đạt 1 chùm và đồng nhất trên các giống. Tuy nhiên, chất lượng hoa giữa các giống có sự khác nhau:

Số hoa trên cành của các giống đạt từ 21,5 - 26,3 hoa/cành, số hoa đạt cao nhất ở giống Đại châu đốm tím 1, tiếp theo là giống Đại châu đốm tím 2 đạt 25,2 hoa, các

giống Đại châu nhập nội đạt từ 21,5 - 24,3 hoa và thấp nhất là giống Đại châu đỏ.

Chiều dài cành hoa cũng là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng hoa lan Đại châu. Chiều dài cành hoa của hai giống Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 cao hơn so với các giống nhập nội. Chiều dài cành giống Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 là 16,8 và 16,5cm, các giống nhập nội đạt từ 12,6 - 14,2cm, chiều dài cành hoa ngắn nhất là giống Đại châu trắng.

Đường kính ngồng hoa giữa các giống đạt từ 0,45 - 0,59cm, lớn nhất ở giống Đại châu đốm tím 1, tiếp đến là giống Đại châu trắng và Đại châu đốm tím 2 đạt 0,52cm, thấp nhất là Đại châu đốm đỏ.

Đường kính hoa giữa các giống không có sự khác biệt đều đạt giá trị 2,3cm.

Độ bền hoa tự nhiên của các giống biến động từ 19 - 24 ngày. Giống có độ bền hoa dài nhất là Đại châu đốm tím 1, tiếp đến là Đại châu đốm tím 2 (23 ngày), các giống còn lại độ bền hoa đạt từ 19 - 22 ngày.

Màu sắc hoa của giống Đại châu đỏ, hoa có màu đỏ, Đại châu trắng có màu trắng xanh, Đại châu đốm đỏ hoa có màu trắng đốm đỏ to. Giống hoa lan Đại châu đốm tím 1, hoa có màu trắng đốm tím, giống Đại châu đốm tím 2 hoa có màu trắng đốm tím nhạt.

Mùi thơm của các giống hoa lan Đại châu bản địa Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2 hoa có mùi thơm ngọt, các giống lan Đại châu công nghiệp hoa có mùi thơm nhẹ.

5. Thời gian phát triển hoa của các giống

Bảng 8. Thời gian phát triển hoa của các giống lan Đại châu

Chi tiêu Giống	Thời điểm xuất hiện chồi hoa	Thời gian xuất hiện ngồng hoa - hoa bắt đầu nở (ngày)	Thời gian từ bông đầu tiên nở - đến bông cuối cùng nở (ngày)	Thời gian từ bông cuối cùng nở - bông hoa đầu tiên tàn (ngày)	Tổng thời gian (xuất hiện mầm hoa- hoa tàn)
Đại châu đỏ	19/11/2012	54	14	7	75
Đại châu trắng	23/11/2012	55	12	5	72
Đại châu đốm đỏ	20/11/2012	53	13	9	75
Đại châu đốm tím 1	14/11/2012	55	16	8	79
Đại châu đốm tím 2	15/11/2012	56	15	8	79

Hoa lan Đại châu thường nở hoa vào dịp tết Nguyên đán nên hoa còn có tên gọi là lan Nghinh xuân. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết các năm hoa có thể nở sớm hơn hoặc muộn hơn.

Trong điều kiện khí hậu vùng đồng bằng sông Hồng, thời gian xuất hiện ngồng hoa thường trong tháng 11. Giữa các giống có thời gian xuất hiện ngồng hoa khác nhau. Kết quả theo dõi năm 2012 cho thấy giống

xuất hiện ngồng hoa sớm nhất là giống Đại châu đốm tím 1, ngày 14/11, tiếp đến là giống Đại châu đốm tím 2 ngày 15/11, Đại châu đỏ ngày 19/11, Đại châu đốm đỏ 20/11, và muộn nhất Đại châu trắng 23/11.

Thời gian từ khi xuất hiện ngồng hoa đến khi bông hoa đầu tiên nở của các giống biến động từ 53-56 ngày, ngắn nhất là giống Đại châu đốm đỏ, dài nhất là giống Đại châu đốm tím 1.

Tốc độ nở của các bông hoa trên cành hoa nhanh hay chậm cũng là chỉ tiêu để đánh giá chất lượng hoa. Thời gian nở hoa tính từ khi bông đầu tiên nở đến bông hoa cuối cùng nở ở các giống biến động từ 12-16 ngày, thời gian nở hoa dài nhất là ở giống Đại châu đốm tím 1 và ngắn nhất là giống Đại châu trắng.

Thời gian sau khi cành hoa nở hoàn toàn đến khi cành hoa tàn liên quan đến độ bền của cành hoa. Thời gian này ở các giống biến động từ 5-9 ngày. Dài nhất là giống Đại châu đốm đỏ, tiếp đến là hai giống Đại châu đốm tím 1 và đốm tím 2, đạt 8 ngày, hai giống còn lại đạt 5-7 ngày.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

Trong 5 giống hoa lan Đại châu, có 2 giống bản địa Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2 sinh trưởng, phát triển khỏe: Sau trồng 3 năm số lá đạt 6 lá, chiều dài lá đạt 24,5cm và 27,5cm, số hoa trên cành đạt 26,3 và 25,2 hoa/cành, chiều dài cành hoa của 2 giống là 16,8 và 16,5cm, độ bền hoa đạt 24 và 23 ngày, sâu bệnh hại ở mức nhẹ. Cả hai giống đều có màu sắc hoa trắng đốm tím, hương thơm ngát được người tiêu dùng ưa chuộng.

Ba giống nhập nội là Đại châu đỏ, Đại châu trắng, Đại châu đốm đỏ sinh trưởng, phát triển kém hơn các giống bản địa sau trồng 3 năm số lá chỉ đạt 5,1-5,3 lá, chiều dài lá đạt 20,3cm và 21,6cm, số hoa trên cành đạt 21,5 và 24,3 hoa/cành, chiều dài cành hoa của 2 giống là 12,6 và 14,2cm, độ bền hoa đạt 19 và 22 ngày và sâu, bệnh hại ở mức trung bình đến nặng.

2. Đề nghị

Đề nghị tiếp tục khảo nghiệm sản xuất hai giống lan Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 ở một số địa phương và đề

nghị công nhận giống sản xuất thử phục vụ sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Kim Hạnh (2008), *Kết quả nghiên cứu nhân nhanh invitro giống lan Ngọc điểm Đại châu (Rhynchostylis gigantea) trong Bioreactor*, Tạp chí Nông nghiệp và PTNT số 3/2008, tr. 46-50.
2. Võ Hà Giang, Ngô Xuân Bình (2010), *Nghiên cứu nhân giống phong lan Đuôi chồn (Rhynchotylis retunsa [L.] Blume) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào*, Tạp chí nông nghiệp và PTNT số 5/2010, tr. 25-30.
3. Báo cáo tổng kết, kết quả thực hiện đề tài “Thu thập đánh giá nguồn gen hoa lan Việt Nam và lưu giữ chúng ở hai vùng miền núi phía Bắc và đồng bằng Bắc Bộ” Báo cáo khoa học, Viện Nghiên cứu Rau quả 2009.
4. Te-chato, S.; Kongruk, S.; Khaimuk, W., *Micropropagation of Chang Daeng (Rhynchostylis rubrum) by embryogenic callu*, International Journal of Agricultural Technology 2010 Vol. 6 No. 3 pp. 589-597.
5. Watthanasrisong, J.; Ruamrungsri, S.; Potapohn, N. (2010), *Effects of short day condition and low temperature on flowering of Rhynchostylis gigantea (Lindl.) Ridl. Alba*, Journal of Agricultural Research and Extension 2010 Vol. 27 No. 2 pp. 11-19.

Ngày nhận bài: 2/6/2013

Người phản biện: GS. TSKH. Trần Duy Quý,
ngày 10/6/2013

Ngày duyệt đăng: 5/7/2013